

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Số:14 /2019/DS-ST
Ngày: 22 – 7 – 2019
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC
- *Thành phần hội đồng xét sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Ung Thị Ngọc Thanh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Việt Thành
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

-*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành.

-*Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:* Ông Trương Văn Sa - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-DS ngày 01/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 (Có mặt)
Địa chỉ: 120D/2, ấp Hòa An 1, xã B, huyện T, tỉnh Long An
2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị Thu H, sinh năm 1996 (Có mặt)
Địa chỉ: Tổ 5, ấp 1, xã M, huyện C, Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/5/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Anh Nguyễn Văn V trình bày:

Vào năm 2017, thông qua một người quen Anh V biết bà Lê Thị Thu Hà. Khoảng đầu năm 2017, Anh V có cho chị H vay số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Đến ngày 03/7/2017 Anh V tiếp tục cho chị H vay thêm số tiền 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng), Anh V và chị H chốt tiền nợ gốc là 91.000.000đ (chín mươi một triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 1.5% /tháng, số tiền

gốc, lãi sẽ trả hết trong một năm kể từ ngày chị H nhận được tiền (tức hạn cuối trả tiền gốc là ngày 03/7/2018 căn cứ theo giấy chuyển khoản). Anh V đã giao đủ số tiền kê trên cho chị H bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng (đính kèm theo đơn giấy chuyển khoản ngân hàng). Sau đó chị H không trả tiền gốc, lãi, Anh V đòi nhiều lần cho đến tháng 06/2018 chị H mới trả tiền lãi là 10.000.000đ (mười triệu đồng) rồi ngưng cho đến ngày 19/10/2018 trả 5.000.000đ tiền lãi, ngày 24/12/2018 trả thêm 5.000.000đ tiền lãi nữa, tổng số tiền lãi chị H đã trả là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Do đó Anh V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị Lê Thị Thu H phải trả cho Anh V số tiền gốc là 91.000.000 đồng và lãi còn nợ thiếu tính từ tháng 6/2017 đến ngày 11/9/2018 tạm tính là 6.380.000 đồng. Đồng thời Anh V yêu cầu chị H phải trả lãi cho Anh V từ ngày khởi kiện đến khi kết thúc vụ án. Quá trình giải quyết vụ án thì ngày 18/4/2019 chị H đã thanh toán cho Anh V được 10.000.000 đồng, ngày 12/6/2019 chị H đã thanh toán cho Anh V thêm được 30.000.000 đồng nữa. Tổng số tiền chị H đã thanh toán cho Anh V là 60.000.000 đồng, sau khi tính toán tiền lãi và gốc trong số tiền 60.000.000 đồng này trên Anh V xác định chị H đã trả được 31.759.882 đồng tiền lãi và 28.240.118 đồng tiền gốc còn lại 1.235.197 đồng tiền lãi và 61.759.882 tiền nợ gốc nên yêu cầu chị H phải thanh toán hết số tiền còn nợ nêu trên

Quá trình giải quyết vụ án Anh V nộp các chứng cứ tài liệu gồm: Đĩa USB ; 01 giải trình ghi âm; 01 giấy nộp tiền (photo); 01 hóa đơn giá trị gia tăng (photo); 05 bản kê sao chi tiết phát sinh

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lê Thị Thu H trình bày:

Trước đây qua người quen giới thiệu chị H và Anh V tìm hiểu nhau, trong thời gian tìm hiểu thì Anh V có đưa cho chị H một số tiền để tiêu xài. Anh V đưa tiền cho Hà 02 lần, lần đầu 13.000.000 đồng vào năm 2017, ngày tháng cụ thể chị H không nhớ. Đến ngày 03/7/2017 thì Anh V chuyển tiếp cho chị H số tiền 78.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền Anh V cho chị H là 91.000.000 đồng và chị H đã tiêu hết số tiền này. Sau đó Anh V và chị H không hợp tính nên không quen nhau nữa thì Anh V điện thoại đòi chị H phải trả số tiền 91.000.000 đồng nêu trên, Anh V gọi điện thoại đòi nhiều lần, thời gian nào đòi thì chị H cũng không nhớ cụ thể. Sau đó, chị H đã chuyển lại cho Anh V tổng số tiền 60.000.000 đồng như Anh V trình bày nhưng chị H xác định số tiền này là chuyển trả do Anh V đòi chứ không phải trả lãi vì chị H không vay tiền Anh V. Nay trước yêu cầu khởi kiện của Anh V thì chị H chỉ đồng ý trả số tiền 31.000.000 đồng còn lại nhưng xin trả dần vì chị H khó khăn. Ngoài ra chị H không đồng ý với bất kỳ yêu cầu nào khác của Anh V.

Các tài liệu, chứng cứ do bị đơn chị Lê Thị Thu H giao nộp: Gồm giấy nộp tiền ngày 12/6/2018; Giấy nộp tiền ngày 19/10/2018; Giấy nộp tiền ngày 24/12/2018; Giấy nộp tiền ngày 18/4/2019 và Giấy nộp tiền ngày 12/6/2019.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn giữ nguyên quan điểm của mình.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Việc chấp hành theo quy định pháp luật của Thẩm phán: Quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến nay nhận thấy Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS năm 2015;

Về việc chấp hành theo quy định pháp luật của HĐXX: Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 63 BLTTDS 2015;

Về việc chấp hành theo quy định của pháp luật của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tại các Điều 69, 70, 71, 72 và Điều 234 của BLTTDS năm 2015.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND tối cao tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc chị Lê Thị Thu H phải trả cho Anh Nguyễn Văn V số tiền nợ gốc là 31.000.000 đồng và lãi suất theo quy định; Về án phí buộc nguyên đơn, bị đơn chịu áp phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

{1} *Về tố tụng và quan hệ pháp luật:* Anh Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu chị Lê Thị Thu H có nghĩa vụ thanh toán cho Anh V số tiền gốc còn nợ lại và tiền lãi còn thiếu chưa thanh toán. Nên Tòa án xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015.

{2} *Về thẩm quyền:* Bị đơn là chị H có nơi cư trú tại xã M, huyện C, Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

{3} *Về thời hiệu khởi kiện:* Do các bên đương sự không yêu cầu nên căn cứ vào điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về thời hiệu

{4} Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Nguyễn Văn V về hợp đồng vay tài sản thấy rằng:

Nguyên đơn Anh V khởi kiện bị đơn yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ nhưng bị đơn chị H không thừa nhận số tiền Anh V đòi là tiền vay mà cho rằng cho rằng trong thời gian tìm hiểu thì Anh V có đưa cho chị H một số tiền để tiêu xài. Anh V đưa tiền 02 lần, lần đầu 13.000.000 đồng vào năm 2017, ngày tháng cụ thể không nhớ. Đến ngày 03/7/2017 thì Anh V chuyển tiếp số tiền 78.000.000 đồng. Tổng cộng là 91.000.000 đồng. Sau đó Anh V và chị H không hợp tính nên không quen nhau nữa thì Anh V điện thoại đòi phải trả số tiền 91.000.000 đồng nêu trên. Tuy nhiên tại phần nội dung ghi âm ngày 03/7/2017 (BL25) chị H cũng đồng ý khi Anh

V đề cập tiền lãi và cũng tại buổi đối chất ngày chị H đã thừa nhận là có vay số tiền như Anh V đã trình bày do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định số tiền Anh V giao cho chị H là tiền vay chứ không phải tiền “*đưa cho xài*” như chị H trình bày.

Xét hợp đồng vay tài sản giữa Anh V và chị H thấy rằng: Đầu năm 2017, Anh V có chuyển cho chị H vay số tiền là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng). Đến ngày 03/7/2017, Anh V tiếp tục chuyển cho chị H vay thêm số tiền 78.000.000 đồng (Bảy mươi tám triệu đồng), tổng cộng là 91.000.000đ (chín mươi một triệu đồng). Anh V trình bày thời hạn trả là 01 năm kể từ ngày vay và lãi suất là 1,5%/tháng. Chị H không thừa nhận về thời hạn trả nợ và lãi suất nêu trên. Anh V cho rằng thời hạn trong vòng 1 năm tức là đến ngày 03/7/2018 chị H phải trả hết nợ cho Anh V nhưng điều này không được chị H thừa nhận nên chỉ có cơ sở xác nhận đây là hợp đồng vay không kỳ hạn. Về việc thỏa thuận lãi suất mặc dù chị H không thừa nhận có lãi suất nhưng theo nội dung ghi âm phần “*thỏa thuận lãi suất*” (BL số 25) ngày 03/7/2017 chị H cũng đồng ý mức lãi suất 10% do đó HĐXX nên Tòa án xác định đây là hợp đồng vay không có thời hạn và có lãi suất.

Về nợ gốc: Trong thời gian vay chị H đã trả cho Anh V 10.000.000 đồng ngày 12/6/2018 và 5.000.000 đồng ngày 19/10/2018. Số tiền chị H còn lại Anh V là 76.000.000 đồng. Sau đó chị H tiếp tục trả cho Anh V 5.000.000 đồng vào ngày 24/12/2018; trả 10.000.000 đồng vào ngày 18/4/2019 và 30.000.000 đồng ngày 12/6/2019. Tổng số tiền 60.000.000 đồng này Anh V cho rằng chị H trả lãi theo thỏa thuận, sau khi trừ đi số tiền lãi còn dư ra mới tính là nợ gốc và được này trên Anh V xác định chị H đã trả được 31.759.882 đồng tiền lãi và 28.240.118 đồng tiền gốc, còn lại 1.235.197 đồng tiền lãi và 61.759.882 đồng tiền nợ gốc nên yêu cầu chị H phải thanh toán hết số tiền còn nợ gốc là 61.759.882 đồng. Xét thấy, tại bản giải trình ghi âm phần “*chốt nợ 19/10/2018*” có nội dung Anh V thừa nhận “*...em chuyển anh 2 lần: 1 lần 10 triệu, lần sau 5 triệu*” “*lấy 91-15 ra 76 đúng không*” nên HĐXX có đủ cơ sở khẳng định số tiền 60.000.000 đồng chị H trả cho Anh V là trả tiền nợ gốc chứ không phải nợ lãi như Anh V trình bày. Do đó cần chấp nhận 1 phần yêu cầu của Anh V về nợ gốc buộc chị H phải trả cho Anh V số tiền gốc còn nợ là 31.000.000 đồng.

Về lãi suất: Căn cứ vào các giấy nộp tiền của chị H và bản ghi âm cuộc nói chuyện giữa Anh V và chị H về việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ được chị H thừa nhận thì nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi được phát sinh khi Anh V yêu cầu chị H trả nợ nhưng chị H Anh V cũng không xác định được thời hạn trả nợ là khi nào. Anh V cho rằng 16/02/2018 nhưng chị H không thừa nhận. Nguyên đơn, bị đơn không xuất trình chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ vào lần chuyển tiền trả đầu tiên của chị H cho Anh V vào ngày 12/6/2018 là ngày chị H phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tuy nhiên về việc thỏa thuận lãi suất theo nội dung ghi âm phần “*thỏa thuận lãi suất*” (BL số 25) ngày 03/7/2017 chị H cũng đồng ý mức lãi suất 10% nhưng cũng không thể hiện 10% là năm, tháng hay ngày do đó

Hội đồng xét xử xác định lãi suất trong vụ việc này thuộc trường hợp các bên có thỏa thuận lãi suất nhưng không xác định rõ lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Do chị H chưa trả cho Anh V như cam kết nên chị H phải chịu số tiền lãi quá hạn đối với những khoản tiền mà chưa thanh toán cho Anh V theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019. Vì vậy, yêu cầu tính lãi của Anh V là có căn cứ được chấp nhận và được tính như sau:

- Lãi trong hạn: $91.000.000 \text{ đồng} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng} 9 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 03/7/2017 đến ngày 12/6/2018) = 8.565.738 đồng

- Lãi trên nợ lãi của nợ gốc trong hạn chưa trả: $8.565.738 \text{ đồng} \times 0,833\% / \text{tháng} \times 13 \text{ tháng} 10 \text{ ngày}$ = 950.367 đồng

- Lãi quá hạn:

$91.000.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 1.25\%$ ($0,833\% / \text{tháng} \times 150\%$) $\times 4 \text{ tháng} 7 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 12/6/2018 đến ngày 19/10/2018) = 4.286.250 đồng

$81.000.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} \times 1.25\%$ ($0,833\% / \text{tháng} \times 150\%$) $\times 2 \text{ tháng} 5 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 19/10/2018 đến ngày 24/12/2018) = 2.058.000 đồng

$76.000.000 \text{ đồng} - 5.000.000 \text{ đồng} \times 1.25\%$ ($0,833\% / \text{tháng} \times 150\%$) $\times 3 \text{ tháng} 24 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 24/12/2018 đến ngày 18/4/2019) = 2.372.492 đồng

$71.000.000 \text{ đồng} - 10.000.000 \text{ đồng} \times 1.25\%$ ($0,833\% / \text{tháng} \times 150\%$) $\times 1 \text{ tháng} 24 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 18/4/2019 đến ngày 12/6/2019) = 1.371.500 đồng

$61.000.000 \text{ đồng} - 30.000.000 \text{ đồng} \times 1.25\%$ ($0,833\% / \text{tháng} \times 150\%$) $\times 1 \text{ tháng} 10 \text{ ngày}$ (tính từ ngày 12/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm) = 516.000 đồng

Tổng số tiền lãi là: 20.120.347 đồng

Như vậy chị H phải có nghĩa vụ thanh toán cho anh số tiền nợ gốc là 31.000.000 đồng và lãi suất là 20.120.347 đồng

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: chị H phải chịu toàn bộ án phí trên số tiền mà yêu cầu của Anh V được Tòa án chấp nhận cụ thể (31.000.000 đồng + 20.120.347 đồng) $\times 5\%$ = 2.556.000 đồng.

Anh V phải chịu trên số tiền không được Tòa án chấp nhận cụ thể: $((61.759.882 \text{ đồng} + 1.235.197 \text{ đồng}) - 51.120.347 \text{ đồng}) \times 5\%$ = 593.736 đồng

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26 điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, Điều 165, Điều 184, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015

- Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP TAND tối cao

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Anh Nguyễn Văn V. Buộc chị Lê Thị Thu H phải trả cho Anh Nguyễn Văn V số tiền 31.000.000 đồng nợ gốc 31.000.000 đồng và 19,258.328 đồng đồng tiền nợ lãi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án có cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị Thu H phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.556.000 đồng. Anh Nguyễn Văn V phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 593.736 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.275.000 đồng đã nộp, Anh Nguyễn Văn V được nhận lại số tiền tạm ứng án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là 1.681.264 đồng theo biên lai thu tiền số 0009851 ngày 21/01/2019 .

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THADS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ung Thị Ngọc Thanh